

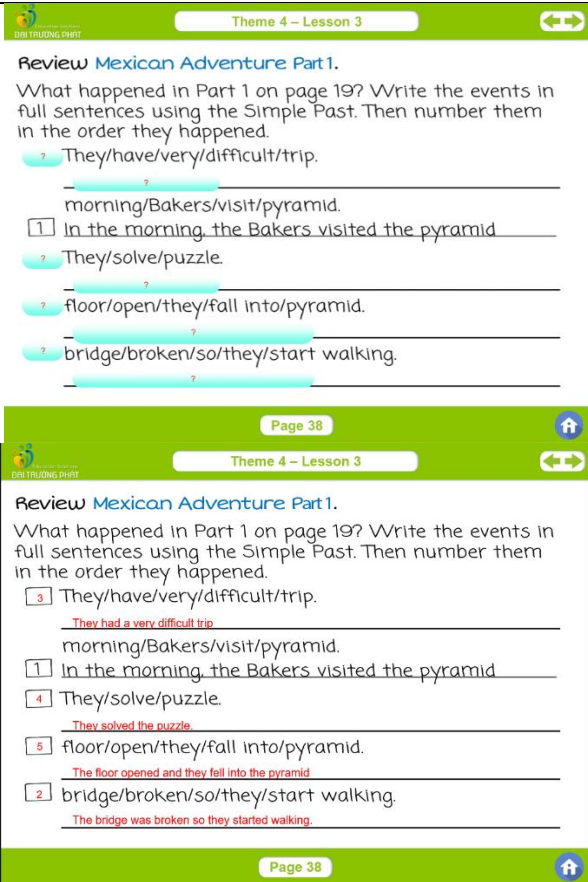
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: TIẾNG ANH 7

Thời gian: Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 18/12/2021

A. Tuần 15: Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 18/12/2021

I. Hướng dẫn học sinh tự học:

1/ Tiết 43:

NỘI DUNG	GHI CHÚ	
Smart world p38 -39	Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:	
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p>Answer:</p>	

Theme 4 – Lesson 3

Lesson 3: Mystery Find the clues and solve the mystery!

MATT & MILLY AMERICAN ADVENTURE PART 2

SCENE 1 THE BAKERS HAVE FALLEN INTO A HOLE...

Oh no, there's no way out!

Scene 1

a. Look before you listen: In pairs, ask and answer. Write the answers in your notebook.

1. What happened to the Bakers?
2. How do they feel now?

b. Listening: Listen and write "True" or "False".

1. Officer Baker hurt her leg in the fall. ?
2. There is no way out of the room. ?
3. There is a tunnel going down. ?

Page 38

a

Answer:

Theme 4 – Lesson 3

Lesson 3: Mystery Find the clues and solve the mystery!

MATT & MILLY AMERICAN ADVENTURE PART 2

SCENE 1 THE BAKERS HAVE FALLEN INTO A HOLE...

Oh no, there's no way out!

Scene 1

a. Look before you listen: In pairs, ask and answer. Write the answers in your notebook.


1. What happened to the Bakers?
1. They have fallen into a hole
2. How do they feel now?
2. They seem worried

b. Listening: Listen and write "True" or "False".

1. Officer Baker hurt her leg in the fall. False
2. There is no way out of the room. False
3. There is a tunnel going down. True

Page 38

Theme 4 – Lesson 3



SCENE 2
MATT'S JOURNAL
June 11th

...We slowly (1) ?
Soon we found a big stone blocking the way. Dad's strong, so he (2) ? Next, we came to a wall. Milly (3) ? After that, we found a big hole in the floor. I (4) ? to make a bridge.

Scene 2
a. Look before you listen: Match the pictures (1-4) with the letters (A-D).




- ? A. turned the head on a statue
- ? B. pulled the chain to open a secret door
- ? C. pushed the stone out of the way
- ? D. walked deeper into the pyramid

b. Listening: Listen and choose the letters (A-D) to fill in the blanks (1-4) in **MATT'S JOURNAL**.

Answer:

Page 38

Theme 4 – Lesson 3



SCENE 2
MATT'S JOURNAL
June 11th

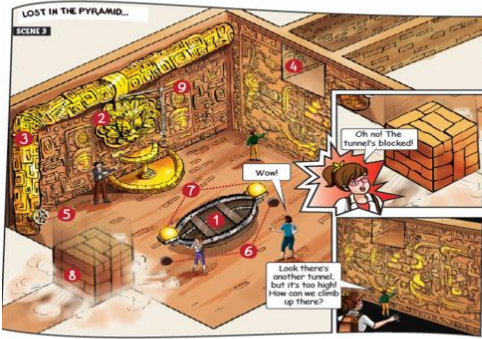
...We slowly (1) **D**
Soon we found a big stone blocking the way. Dad's strong, so he (2) **C** Next, we came to a wall. Milly (3) **B** After that, we found a big hole in the floor. I (4) **A** to make a bridge.

Scene 2
a. Look before you listen: Match the pictures (1-4) with the letters (A-D).

- 3** A. turned the head on a statue
- 2** B. pulled the chain to open a secret door
- 4** C. pushed the stone out of the way
- 1** D. walked deeper into the pyramid

b. Listening: Listen and choose the letters (A-D) to fill in the blanks (1-4) in **MATT'S JOURNAL**.

Page 38



Scene 3

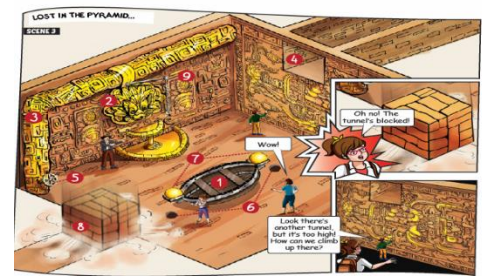
a. Look before you listen: In pairs, ask and answer. Write the answers in your notebook

- Where are they? ?
- What happens to the tunnel they came through? ?
- What's Matt pointing at? ?

b. Listening: Listen and circle the correct answers.

- Wow, what a strange/great room!
- Look at all the pipes/gold
- There's another tunnel, but it's too high/far.

Answer:



Scene 3

a. Look before you listen: In pairs, ask and answer. Write the answers in your notebook

- Where are they? **1. They are in the strange room**
- What happens to the tunnel they came through? **2. The tunnel they came through is blocked**
- What's Matt pointing at? **3. Matt is pointing at a tunnel**

b. Listening: Listen and circle the correct answers.

- Wow, what a strange/great room!
- Look at all the pipes/gold
- There's another tunnel, but it's too high/far.

II. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
 Lớp:
 Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Tiếng Anh	Tên bài (Unit): Phần:	1. 2. 3.

Tiết 44: UNIT 8 – Vocabulary + A2

<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<p>UNIT 8 – Vocabulary</p> <ol style="list-style-type: none">1. altogether (adv) / ˌɔːltəˈgeðə(r)/: tổng cộng,tính gộp lại2. change (n) : tiền lẻ,tiền thừa ->Here is your change: đây là tiền thừa của bạn.3. coach (n): xe chạy đường dài,xe tuyến4. cost (n): chi phí ->costly (adj): đắt tiền 5. directions(n) /daɪˈrekʃn/” chỉ dẫn phương hướng6. guess (n): sự phỏng đoán7. mail(v): gửi thư8. overseas(adj): ở nước ngoài (adv): đi nước ngoài9. phone card (n): thẻ dùng để gọi điện thoại10. plain (n) : đồng bằng11. regular (adj): đều đặn ->regularly (adv): một cách đều đặn,thường xuyên12.send (v):gửi đi13. souvenir (n) / ˌsuːvəˈniə(r)/đồ lưu niệm14. total (adj): tổng,toàn bộ <p>Unit 8: PLACES</p> <p>Section A: Asking the way (A2 – Page 80)</p> <p>I.Newwords:</p> <ol style="list-style-type: none">1.place (n) nơi chốn
--	--

2. tell (v): nói cho biết
3. take (v) : chọn,lấy
4. police station (n) :đồn cảnh sát
5. shoe store (n): tiệm giày
6. Excuse me! (exp): hãy đoán thử
7. post office (n): bưu điện
8. factory (n): nhà máy
9. bakery (n): tiệm bánh
10. toy store (n): đồ chơi
11. You're welcome (exp): không có chi
12. Thanks a lot (exp): cảm ơn nhiều

II. Nội dung bài A2(Trang 80-sách giáo khoa Tiếng Anh 7

a.Tourist: Excuse me. Is there a souvenir shop near here?

Nga: Yes. There is one on Hang Bai Street.

Tourist: Could you tell me how to get there?

Nga: Go straight ahead. Take the second street on the left. The souvenir shop is on the right, opposite the post office.

Tourist: Thank you.

Nga: You're welcome.

b)

Tourist: Excuse me. Could you show me the way to the supermarket, please?

Lan: The supermarket? OK. Go straight ahead. Take the first street on the right. The supermarket is in front of you.

Tourist: Thanks a lot.

Lan: You're welcome.

Hướng dẫn dịch:

a)

Du khách: Xin lỗi. Gần đây có cửa hàng đồ lưu niệm không vậy?

Nga : Có. Có một tiệm ở đường Hàng Bài.

Du khách: Em có thể vui lòng chỉ tôi cách đến đó không?

Nga : Đi thẳng. Rẽ ở đường thứ hai bên trái. Cửa hàng đồ lưu niệm ở bên tay phải, đối diện với Bưu điện.

Du khách: Cảm ơn em.

Nga : Dạ không có chi.

b)

Du khách: Xin lỗi. Em có thể vui lòng chỉ tôi đường đến siêu thị?

Lan : Siêu thị à? Được. Đi thẳng. Rẽ ở đường thứ nhất phía tay phải. Siêu thị ở ngay trước mặt chú.

Du khách: Cám ơn nhiều.

Lan : Dạ không có chi.

III.Remember













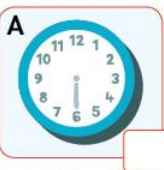

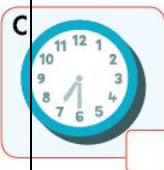





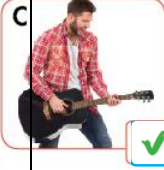

1. Could you tell me how to get there?(Bạn có thể chỉ cho tôi làm cách nào đến đó?)

Go straight ahead.Take the second street on the left.(Đi thẳng, ở đường thứ 2 rẽ trái)

2. Lời đề nghị:

Could + V1

Tiết 45

NỘI DUNG	GHI CHÚ	
Smart world p42 -45	<p>Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:</p>	
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</p>	<div style="background-color: #92d050; padding: 5px; border: 1px solid black; text-align: center;">  Theme 4 – Lesson 5  </div> <p>Listening You will hear five short conversations. You will hear each conversation twice. There is one question for each conversation. For questions 1-5, put a tick (✓) under the right answer. </p> <p>Example: What does Mark want to listen to?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p>pop <input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p>rock <input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p>blues <input checked="" type="checkbox"/></p> </div> </div> <p>1. What does Sally want to listen to?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p>reggae <input checked="" type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p>flamenco <input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p>rcp <input type="checkbox"/></p> </div> </div> <p>2. Which band does Mark want to watch?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p>Plain View <input checked="" type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p>The Crazy Ks <input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p>Shutterpop <input type="checkbox"/></p> </div> </div> <p>3. What time is the show?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> </div> <p>4. Who did Mark think was amazing?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/></p> </div> </div> <p>5. Who did Sally not really like?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>A</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>B</p>  <p><input type="checkbox"/></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>C</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/></p> </div> </div> <div style="background-color: #92d050; padding: 5px; border: 1px solid black; text-align: center; margin-top: 10px;"> Page 42  </div>	

**Reading**

Read the article about the University of Cambridge. Choose the best word for each space. For questions 1-5, mark A, B or C.

THE UNIVERSITY OF CAMBRIDGE

The University of Cambridge is one of the most (0) _____ universities in the UK. It was (1) _____ in 1209. It's one of the ten (2) _____ universities in the world. Only people with the best grades (3) _____ there, as it's one of the hardest universities to get into in the UK. Many famous people have (4) _____ there, including Sir Isaac Newton and Stephen Hawking. It has over 100 libraries and more than 19,000 (5) _____ study there each year.

Example:

- | | | |
|----------------|--------------|-----------------|
| 0. A. old | B. big | C. famous |
| 1. A. building | B. built | C. build |
| 2. A. oldest | B. older | C. old |
| 3. A. studying | B. studied | C. study |
| 4. A. studied | B. study | C. studying |
| 5. A. students | B. libraries | C. universities |

Answer:

0	A	B	C
1	A	B	C
2	A	B	C
3	A	B	C
4	A	B	C
5	A	B	C

KEY

1.B 2.A 3.C 4.A 5.A

**Writing**

a. Read the paragraph about a pop concert.

The best concert I've ever been to was by a pop band called The Big Gees. The music was fantastic and the band played really well. All the dancers wore beautiful costumes and the dancing was awesome. Danny Bird, the singer, was amazing. It was the greatest pop concert ever.



b. Now, in your notebook, use your own ideas to write a similar paragraph. Use the paragraph model on page 120 to help you.

Exercise 1: Multiple Choice

1. If they have any new stamps, they usually _____ them to school.
- A. go B. bring C. take D. carry

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình

2. Tam is the _____ age as his brother.
A. different B. older C. younger D. same
3. Those books at the _____ of the library are in English.
A. middle B. back C. left D. front
4. Her birthday is _____ Friday, August 15th.
A. at B. in C. on D. for
5. At recess, we often go to the _____ to buy snacks.
A. market B. cafeteria C. class D. library
6. We are in grade 7 and _____ is she.
A. too B. so C. but D. also
7. He has a _____ summer vacation.
A. three – week B. three –weeks C. three week D. three weeks
8. My sister is interested _____ a computer in her Computer science class.
A. to use B. in use C. at using D. in using
9. _____ does Nga have history? - On Monday.
A. When B. What time C. How long D. How
10. Lan and Nga _____ in the library now.
A. is reading B. read C. are reading D. are read

Exercise 2: Verb tense

1. Would you like ____ (have) dinner with my family?
2. The boy ____ (not/read) books in the library in his free time.
3. Lan ____ (play) the piano now. You can call her later.
4. We shouldn't ____ (go) out late without our parents.
5. My teacher ____ (not usually give) so much homework.
6. I ____ (be) rich someday.
7. Nam enjoys ____ (collect) coins and movie posters.
8. Mai never ____ (study) hard so she always gets bad marks.
9. They ____ (not visit) Hue citadel last summer vacation.
10. What ____ your children ____ at the moment?(do)

KEY

Exercise 1

1. B. bring
2. D. same
3. B. back
4. C. on
5. B. cafeteria
6. B. so
7. A. three-week
8. D. in using
9. A. When
10. C. are reading

Exercise 2:

1. to have
2. doesn't read
3. is playing
4. go
5. doesn't usually give
6. will be
7. collecting
8. studies
9. didn't visit
10. are doing

--	--

I. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Tiếng Anh	Tên bài (Unit): Phần:	1. 2. 3.